

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 297/2026/DS-PT

Ngày 31 – 3 – 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Phan Công Trí.

**Các Thẩm phán:**

- Ông Phùng Văn Định.
- Bà Tăng Trần Quỳnh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thuý Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 735/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 236/2025/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm: 1981. CCCD: 091181013249 cấp ngày 02/10/2021.

Địa chỉ: Số G, đường R, khóm C, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường L, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

**2. Bị đơn:** Ông **Hứa Toại N**, sinh năm: 1979. CCCD: 096079009464 cấp ngày 11/8/2021.

Địa chỉ: Nhà không số, đường N, khóm A, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là phường L, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Biện Thanh A**, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Ấp H, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**- Người kháng cáo:** Ông Hứa Toại N là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

Ngày 21/10/2022, bà có cho ông N vay số tiền 1.700.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng, thời hạn vay 01 tháng, có làm biên nhận. Nguồn tiền bà cho ông N vay là tiền bà thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà để vay tại Ngân hàng TMCP V1.

Do trước đó, ông N biết việc bà có vay của bà T1 500.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng là 15.000.000 đồng nên ông N có thỏa thuận với bà, mỗi tháng ông N đóng lãi 45.000.000 đồng, (Trong đó, 15.000.000 đồng để đóng lãi cho bà T1, còn lại 30.000.000 đồng dùng để đóng lãi cho Ngân hàng) nên bà đồng ý. Trong 03 tháng đầu, ông N thanh toán lãi cho bà với tổng số tiền 135.000.000 đồng. Nhưng sau đó, ông N không thanh toán lãi và trả tiền gốc cho bà.

Việc ông N vay tiền của bà nhưng cố tình không trả, nên bà đã làm đơn tố cáo ông N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C. Trong quá trình điều tra, ông N có nộp cho cơ quan điều tra 200.000.000 đồng và bà đã nhận số tiền trên. Cơ quan điều tra đã xác định giao dịch dân sự.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu ông N trả số tiền gốc 1.700.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng/tháng, tính từ ngày 21/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 21/10/2025 là 36 tháng, bằng số tiền 1.080.000.000 đồng. Tuy nhiên, do ông N đã đóng lãi được tổng cộng 335.000.000 đồng nên bà sẽ trừ số tiền trên vào tổng số tiền lãi 1.080.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi ông N phải thanh toán cho bà là: 1.080.000.000 đồng – 335.000.000 đồng = 745.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông N thanh toán cho bà là 2.445.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, bị đơn yêu cầu bà trả tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 900.000.000 đồng, bà không đồng ý, vì bà không có vay tiền của bị đơn.

*Theo bị đơn ông Hứa Toại N trình bày:*

Ông không đồng ý với trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T vì ông có không vay tiền của bà T như bà T đã trình bày. Ông xác định, nhiều lần nhận tiền từ bà T, tổng số tiền ông nhận từ bà T là 1.700.000.000 đồng, tiền này là tiền công của ông đã giúp đỡ bà T trong việc viết đơn, tư vấn pháp luật, chi phí đi lại để giúp bà T thắng kiện trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà T với bà Trần Ngọc V, vì trước bà T có hứa với ông là nếu ông giúp được bà T thắng kiện thì bà T sẽ tặng cho ông một phần đất mà bà T đang tranh chấp với bà V, phần đất ngang 20m có giá trị tương đương 2.000.000.000 đồng.

Do bà T đang khó khăn về kinh tế, nên khi bà T nộp đơn tố cáo ông đến cơ quan điều tra, ông đã nộp tại cơ quan điều tra số tiền 200.000.000 đồng để đưa lại cho bà T, xem như là ông trả lại một phần tiền trong số tiền 1.700.000.000 đồng mà trước đó bà T đã đưa cho ông, đây không phải là tiền thanh toán lãi.

Ngoài ra, ngày 19/11/2022, bà T có vay của ông số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, khi vay bà T có làm biên nhận, nhiều lần ông yêu cầu bà T thanh toán số tiền vay, bà T hứa nhưng không thanh toán lại cho ông.

Nay, ông có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà T trả cho ông số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đến thời điểm ông nộp đơn yêu cầu phản tố, ngày 19/4/2024, bằng 18 tháng, mỗi tháng 50.000.000 đồng, với tổng số tiền lãi là 900.000.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 236/2025/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T.
  - Buộc ông Hứa Toại N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Kim T tổng số tiền 2.384.988.000 đồng.
  - Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T về việc buộc ông Hứa Toại N có trách nhiệm thanh toán số tiền 60.012.000 đồng.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hứa Toại N.
  - Buộc bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hứa Toại N tổng số tiền 1.283.333.000 đồng.
  - Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hứa Toại N về việc buộc bà Trần Thị Kim T có trách nhiệm thanh toán số tiền 616.667.000 đồng.
3. Sau khi bù trừ nghĩa vụ: Buộc ông Hứa Toại N có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Kim T tổng số tiền: 2.384.988.000 đồng - 1.283.333.000 đồng = 1.101.655.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí, quyền tha thuận thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/11/2025, bị đơn ông Hứa Toại N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xem xét lại thời gian tính lãi suất và trừ đi 200.000.000 đồng tiền vay gốc bị đơn đã khắc phục.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hứa Toại N giữ nguyên kháng cáo.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Hứa Toại N; Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 236/2025/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Cà Mau. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Hứa Toại N hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 278, Điều 280 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T yêu cầu ông Hứa Toại N trả tiền vay gốc và lãi với số tiền 2.445.000.000 đồng (tiền vay gốc 1.700.000.000 đồng, tiền lãi còn lại 745.000.000 đồng).

[2.2] Bị đơn ông Hứa Toại N yêu cầu phản tố nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trả tiền vay gốc và lãi với số tiền 1.900.000.000 đồng (tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi 900.000.000 đồng).

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Hứa Toại N yêu cầu xem xét lại số tiền gốc 200.000.000 đồng đã trả cho bà T:

[3.1] Các đương sự thừa nhận có thoả thuận việc ông N nhận của bà T 1.700.000.000 đồng tiền gốc, bà T thừa nhận có nhận của ông N 335.00.000 đồng, thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Bà T cho rằng số tiền 335.000.000 đồng (đợt 1 đưa 135.000.000 đồng; đợt 2 nhận tại cơ quan điều tra 200.000.000 đồng) mà ông N đã đưa cho bà là để đóng tiền lãi. Căn cứ biên bản lấy lời khai ông N ngày 16/8/2023 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, ông N trình bày: "...Việc tôi có nhận từ bà T nhiều lần được tổng số tiền 1.700.000.000 đồng...Tôi xin được nộp khắc phục 200.000.000 đồng vào ngày 18/8/2023, số tiền còn lại, tôi xin được thoả thuận với bà Trần Thị Kim T" (bút lục 94). Tại biên bản lấy lời khai bà Trần Thị Kim T ngày 21/11/2023 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, bà T trình bày: "...Ông N mượn của tôi tổng cộng số tiền 1.700.000.000 đồng...Hiện ông N đã khắc phục cho tôi được 200.000.000 đồng..." (bút lục 79). Do đó, bà T cho rằng ông N đưa 200.000.000 đồng để trả lãi là không có căn cứ chấp nhận. Từ lời trình bày của các đương sự tại cơ quan điều tra năm 2023, chứng minh ông N đã khắc phục tiền vay gốc cho bà T 200.000.000 đồng trong tổng số tiền 1.700.000.000 đồng. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận về việc đã trả một phần vốn vay gốc.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Hứa Toại N yêu cầu xem xét thời gian trả lãi cho bà T:

[4.1] Như phân tích tại mục [3], ông T đã trả một phần tiền gốc cho bà T, nên tiền lãi sẽ được tính lại như sau:

- Từ ngày 21/10/2022 đến ngày 17/8/2023 (09 tháng 27 ngày):  $1.700.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 09 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 28.333.000 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 255.941.433 \text{ đồng}$

- Từ ngày 18/8/2023 đến ngày 21/10/25 (xử ngày 24/10/25, nguyên đơn yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, tính lãi thiếu 03 ngày)(02 năm 02 tháng 03

ngày):  $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 02 \text{ năm} \times 02 \text{ tháng} \times 03 \text{ ngày} = 25.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 26 \text{ tháng} \times 03 \text{ ngày} = 652.499.999 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng lãi phải trả  $908.441.432 \text{ đồng} - 135.000.000 \text{ đồng}$  (lãi đã trả) =  $773.441.432 \text{ đồng}$ .

[4.2] Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, lãi suất được tính lại như tại tiêu mục [4.1].

[5] Bên cạnh, tại đơn phản tố và tại phiên tòa sơ thẩm, ông N chỉ yêu cầu bà T trả tiền lãi từ ngày vay đến ngày nộp đơn yêu cầu phản tố 19/4/2024, thời hạn từ sau ngày nộp đơn đến ngày xét xử sơ thẩm, ông T không yêu cầu. Cho nên, cấp sơ thẩm không xem xét tính lãi suất trong giai đoạn này (từ ngày 20/4/2024 đến ngày 24/10/2025) là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông N có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác yêu cầu trả tiền lãi trong giai đoạn này đối với bà T, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Từ sự phân tích tại mục [3], [4], tổng gốc và lãi ông N phải trả  $1.500.000.000 \text{ đồng}$  (gốc) +  $773.441.432 \text{ đồng}$  (lãi) =  $2.273.441.432 \text{ đồng}$ . Đối trừ số tiền gốc, lãi bà T nợ ông N, ông N còn tiếp tục trả cho bà T  $2.273.441.432 \text{ đồng} - 1.283.333.000 \text{ đồng} = 990.108.432 \text{ đồng}$ .

+ Nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện:  $1.700.000.000 \text{ đồng}$  (gốc) +  $745.000.000 \text{ đồng}$  (lãi) =  $2.445.000.000 \text{ đồng} - 2.273.441.432 \text{ đồng} = 171.558.568 \text{ đồng}$ .

Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Về án phí sơ thẩm:

[7.1] Nguyên đơn không được chấp nhận một phần khởi kiện đối với số tiền  $171.558.568 \text{ đồng}$ , nên phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch  $171.558.568 \text{ đồng} \times 5\% = 8.577.928 \text{ đồng}$ , theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.2] Bị đơn buộc thực hiện nghĩa vụ số tiền  $990.108.432 \text{ đồng}$ , nên phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là  $41.703.252 \text{ đồng}$ , theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.3] Bị đơn không được chấp nhận yêu cầu phản tố với số tiền  $616.667.000 \text{ đồng}$ , nên phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền  $28.666.680 \text{ đồng}$ , theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b, c khoản 1 Điều 24, khoản 4, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Hứa Toại N.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 236/2025/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T.

1.1. Buộc ông Hứa Toại N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Kim T tổng số tiền 2.273.441.432 đồng (Hai tỷ hai trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng) (trong đó: tiền gốc 1.500.000.000 đồng; tiền lãi 773.441.432 đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T về việc buộc ông Hứa Toại N có trách nhiệm thanh toán số tiền 171.558.568 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hứa Toại N.

2.1. Buộc bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hứa Toại N tổng số tiền 1.283.333.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) (trong đó: tiền gốc 1.000.000.000 đồng; tiền lãi 283.333.000 đồng).

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hứa Toại N về việc buộc bà Trần Thị Kim T có trách nhiệm thanh toán số tiền 616.667.000 đồng (Sáu trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

3. Sau khi bù trừ nghĩa vụ tại mục 1, 2 của phần quyết định này:

3.1. Buộc ông Hứa Toại N có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Kim T số tiền 990.108.432 đồng (Chín trăm chín mươi triệu một trăm lẻ tám nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

3.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì phải chịu thêm khoản

lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Kim T phải chịu 4.288.500 đồng (Bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng) (đã nộp xong).

5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Kim T phải chịu 8.577.928 đồng (Tám triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi tám đồng). Ngày 07/02/2024, bà T đã dự nộp 15.750.000 đồng theo biên lai 0008059 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là Thi hành án dân sự tỉnh C) được đối trừ. Bà T được nhận lại 7.172.072 đồng (Bảy triệu một trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bảy mươi hai đồng).

5.2. Buộc bị đơn ông Hứa Toại N phải chịu 70.369.932 đồng (Bảy mươi triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm ba mươi hai đồng). Ngày 26/4/2024, ông đã dự nộp 34.500.000 đồng (Ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai 0008494 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là Thi hành án dân sự tỉnh C) được đối trừ. Ông N còn phải nộp thêm 35.869.932 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm ba mươi hai đồng).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hứa Toại N không phải chịu. Ngày 06/11/2025, ông N dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0004063 của Thi hành án dân sự tỉnh C được hoàn lại toàn bộ

7. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phan Công Trí**